



SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE

MILINDAPAÑHAPĀḶI

&

MILINDA VẤN ĐẠO

1. MAHĀVAGGO

1. Atha kho milindo rājā yenāyasmā nāgaseno tenupasaṅkami. Upasaṅkamitvā āyasmatā nāgasenena saddhiṃ sammodi. Sammodaniyaṃ kathaṃ sārāṇiyaṃ vītisāretvā ekamantaṃ nisīdi. Āyasmā 'pi kho nāgaseno paṭisammodi. Teneva rañño milindassa¹ cittaṃ ārādhesi.

Atha kho milindo rājā āyasmantaṃ nāgasenaṃ etadavoca: “**Katham bhadanto ñāyati? Kinnāmo 'si bhante 'ti?** “Nāgaseno ti kho ahaṃ mahārāja ñāyāmi. Nāgaseno ti maṃ mahārāja sabrahmacārī samudācaranti. Api ca mātāpitaro nāmaṃ karonti nāgaseno ti vā sūraseno ti vā vīraseno ti vā sihaseno ti vā. Api ca kho mahārāja saṅkhā samaññā paññatti vohāranāma-mattaṃ² yadidaṃ nāgaseno ti. Na hettha puggalo upalabbhatī ”ti.

Atha kho milindo rājā evamāha: “Suṇantu me bhonto pañcasatā yonakā asītisahassā ca bhikkhū. Ayaṃ nāgaseno evamāha: ‘Na hettha puggalo upalabbhatī ’ti. Kallannu kho tadabhinanditun ’ti?

Atha kho milindo rājā āyasmantaṃ nāgasenaṃ etadavoca: “Sace bhante nāgasena puggalo nūpalabbhati, ko cetarahi³ tumhākaṃ cīvarapiṇḍapātasenāsanagilānappaccayabhesajjaparikkhāraṃ deti? Ko taṃ paribhuñjati? Ko sīlaṃ rakkhati? Ko bhāvanamanuyuñjati? Ko maggaphalanibbāṇāni sacchikaroti? Ko pāṇaṃ hanati? Ko adinnaṃ ādiyati? Ko kāmesu micchā carati? Ko musā bhaṇati? Ko majjaṃ pivati? Ko pañcānantariyaṃ kammaṃ karoti? Tasmā natthi kusalaṃ. Natthi akusalaṃ. Natthi kusalākusalaṇaṃ kammānaṃ kattā vā kāretā vā. Natthi sukaṭadukkaṭānaṃ kammānaṃ phalaṃ vipāko. Sace bhante nāgasena yo tumhe māreti, natthi tassāpi pāṇātipāto. Tumhākampi bhante nāgasena natthi ācariyo, natthi upajjhāyo, natthi upasampadā, ‘nāgaseno ti maṃ mahārāja sabrahmacārī samudācaranti ’ti yaṃ vadesi, katamo ettha nāgaseno? Kinnu kho bhante kesā nāgaseno ”ti?

“Na hi mahārājā ”ti.

“Lomā nāgaseno ”ti?

“Na hi mahārājā ”ti.

“Nakhā —pe— dantā, taco, maṃsaṃ, nahāru, aṭṭhi, aṭṭhimiñjā, vakkhaṃ, hadayaṃ, yakaṇaṃ, kilomakaṃ, pihakaṃ, papphāsaṃ, antaṃ, antaguṇaṃ, udariyaṃ, karīsaṃ, pittaṃ, semhaṃ, pubbo, lohitaṃ, sedo, medo, assu, vasā, khelo, siṃghāṇikā, lasikā, muttaṃ, matthake matthaluṅgaṃ nāgaseno ”ti?

“Na hi mahārājā ”ti.

“Kinnu kho bhante rūpaṃ nāgaseno ”ti?

“Na hi mahārājā ”ti.

¹ paṭisammodaniyeneva rañño milindassa - Ma;

paṭisammodi, yeneva rañño milindassa - PTS.

² vohāro nāmamattaṃ - Ma, PTS.

³ ko carahi - Ma, PTS.

1. ĐẠI PHẨM:

1. Khi ấy, đức vua Milinda đã đi đến gặp đại đức Nāgasena, sau khi đến đã tỏ vẻ thân thiện với đại đức Nāgasena, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện rồi đã ngồi xuống một bên. Đại đức Nāgasena cũng đã tỏ bày vẻ thân thiện, chính vì thế đã làm hài lòng tâm ý của đức vua Milinda.

Khi ấy, đức vua Milinda đã nói với đại đức Nāgasena điều này: “**Ngài đại đức được nhận biết bằng cách nào? Thưa ngài, ngài tên gì?**” “Tâu đại vương, tôi được nhận biết là ‘Nāgasena.’ Tâu đại vương, các vị đồng Phạm hạnh gọi tôi là ‘Nāgasena.’ Hơn nữa, mẹ cha đặt tên là ‘Nāgasena,’ là ‘Sūrasena,’ là ‘Virasena,’ hoặc là ‘Sihasena.’ Tâu đại vương, và lại ‘Nāgasena’ cũng chỉ là từ phân biệt, là tên thừa nhận, là tên quy định, là tên gọi thông thường, bởi vì không người nào được tìm thấy ở đây.”

Khi ấy, đức vua Milinda đã nói với như vậy: “Xin quý vị năm trăm người xứ Yonaka và tám mươi ngàn vị tỳ khưu hãy lắng nghe trẫm. Vị Nāgasena này đã nói như vậy: ‘Bởi vì không người nào được tìm thấy ở đây.’ Vậy có hợp lý để chấp nhận điều ấy không?”

Khi ấy, đức vua Milinda đã nói với đại đức Nāgasena điều này: “Thưa ngài Nāgasena, nếu không người nào được tìm thấy, vậy thì ai bố thí y phục vật thực chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bệnh cho ngài? Ai thọ dụng vật ấy? Ai trì giới? Ai găn bó với sự tu tập? Ai chứng ngộ Đạo, Quả, và Niết Bàn? Ai sát hại mạng sống? Ai lấy vật không được cho? Ai tà hạnh trong các dục? Ai nói dối? Ai uống chất lên men? Ai gây nên năm nghiệp vô gián? Như thế thì không có thiện, không có bất thiện, không có người làm hoặc người sai bảo làm đối với các nghiệp thiện và bất thiện. Không có sự thành tựu quả đối với các nghiệp đã được làm tốt hoặc đã được làm xấu. Thưa ngài Nāgasena, nếu có người giết chết ngài, thì người ấy cũng không có tội giết hại mạng sống. Thưa ngài Nāgasena, ngài cũng không có thầy dạy học, không có thầy tế độ, không có sự tu lên bậc trên, điều ngài nói rằng: ‘Tâu đại vương, các vị đồng Phạm hạnh gọi tôi là Nāgasena,’ vậy ở đây cái gì là Nāgasena? Thưa ngài, có phải các sợi tóc là Nāgasena?”

“Tâu đại vương, không phải.”

“Có phải các sợi lông là Nāgasena?”

“Tâu đại vương, không phải.”

“Có phải các móng (tay chân) —(như trên)— các răng, da, thịt, gân, xương, tủy xương, thận, tim, gan, cơ hoành, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, thực phẩm chưa tiêu, phân, mật, đàm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, nước mỡ (huyết tương), nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiểu, bộ não ở đâu là Nāgasena?”

“Tâu đại vương, không phải.”

“Thưa ngài, có phải sắc là Nāgasena?”

“Tâu đại vương, không phải.”

“Vedanā nāgaseno ”ti?
“Na hi mahārājā ”ti.

“Saññā nāgaseno ”ti?
“Na hi mahārājā ”ti.

“Saṅkhārā nāgaseno ”ti?
“Na hi mahārājā ”ti.

“Viññāṇaṃ nāgaseno ”ti?
“Na hi mahārājā ”ti.

“Kimpana bhante rūpavedanāsaññāsaṅkhāraviññāṇaṃ nāgaseno ”ti?
“Na hi mahārājā ”ti.

“Kimpana bhante aññatra rūpavedanāsaññāsaṅkhāraviññāṇā nāgaseno ”ti? “Na hi mahārājā ”ti.

“Tamahaṃ bhante pucchanto pucchanto na passāmi nāgasenaṃ. Saddo yeva nu kho bhante nāgaseno?¹ Ko panettha nāgaseno? Alikhaṃ tvaṃ bhante bhāsasi musāvādaṃ natthi nāgaseno ”ti.

Atha kho āyasmā nāgaseno milindaṃ rājānaṃ etadavoca: “Tvaṃ kho ’si mahārāja khattiyasukhumālo accantasukhumālo. Tassa te mahārāja majjhantikasamayaṃ² tattāya bhūmiyā uṇhāya vālikāya kharā sakkhara-kathalavālikā³ madditvā pādenāgacchantassa pādā rujanti,⁴ kāyo kilamati, cittaṃ upahaññati, dukkhasahagataṃ kāyaviññāṇaṃ uppajjati. Kinu kho tvaṃ pādenāgato ’si? Udāhu vāhanenā ”ti?

“Nāhaṃ bhante pādenāgacchāmi, rathenāhaṃ āgato ’smī ”ti.

“Sace tvaṃ mahārāja rathenāgato ’si, rathaṃ me ārocehi. Kinu kho mahārāja isā ratho ”ti?
“Na hi bhante ”ti.

“Akkho ratho ”ti?
“Na hi bhante ”ti.

“Cakkāni ratho ”ti?
“Na hi bhante ”ti.

“Rathapañjaraṃ ratho ”ti?
“Na hi bhante ”ti.

“Rathadaṇḍako ratho ”ti?
“Na hi bhante ”ti.

¹ nāgasenasaddo yeva nu kho bhante nāgaseno ti. na hi mahārājā ti - Ma.

² majjhantikasamayaṃ - Ma.

³ kharāya sakkharakathalikāya - Ma.

⁴ rujjanti - Ma.

“Có phải thọ là Nāgasena?”
“Tâu đại vương, không phải.”

“Có phải tướng là Nāgasena?”
“Tâu đại vương, không phải.”

“Có phải các hành là Nāgasena?”
“Tâu đại vương, không phải.”

“Có phải thức là Nāgasena?”
“Tâu đại vương, không phải.”

“Thưa ngài, vậy thì sắc-thọ-tướng-hành-thức là Nāgasena?”
“Tâu đại vương, không phải.”

“Thưa ngài, vậy thì trừ ra sắc-thọ-tướng-hành-thức là Nāgasena?”
“Tâu đại vương, không phải.”

“Thưa ngài, trong khi lần lượt hỏi về điều ấy mà trẫm vẫn không thấy ra được Nāgasena. Thưa ngài, chẳng lẽ âm thanh lại là Nāgasena? Vậy thì Nāgasena ở đây là người nào? Thưa ngài, ngài nói không có Nāgasena là điều không thật là lời dối trá.”

Khi ấy, đại đức Nāgasena đã nói với đức vua Milinda điều này: “Tâu đại vương, ngài quả là có sự thanh tao của dòng dõi Sát-đế-ly, có sự thanh tao tột bậc. Tâu đại vương, đối với bệ hạ đây trong lúc dẫm đạp lên các miếng chai, đá, cát sạn sùi ở lớp cát nóng của mặt đất hùng hực và đi bộ vào lúc giữa trưa, hẳn nhiên các bàn chân đau nhức, thân mệt nhọc, tâm bị lui sụt, thân thức gắn liền với khổ sanh khởi. Vậy thì bệ hạ đi đến bằng chân, hay bằng xe cộ?”

“Thưa ngài, trẫm không đi đến bằng chân, trẫm đi đến bằng cỗ xe.”

“Tâu đại vương, nếu bệ hạ đi đến bằng cỗ xe, xin bệ hạ hãy chỉ cỗ xe cho tôi. Tâu đại vương, có phải cái gọng là cỗ xe?”

“Thưa ngài, không phải.”

“Có phải cái trục là cỗ xe?”

“Thưa ngài, không phải.”

“Có phải các bánh xe là cỗ xe?”

“Thưa ngài, không phải.”

“Có phải thùng xe là cỗ xe?”

“Thưa ngài, không phải.”

“Có phải thanh chống là cỗ xe?”

“Thưa ngài, không phải.”

“Yugaṃ ratho ”ti?
“Na hi bhante ”ti.

“Ratharasmiyo ratho ”ti?
“Na hi bhante ”ti.

“Patodalatṭhi ratho ”ti?
“Na hi bhante ”ti.

“Kinnu kho mahārāja īsā-akkha-cakka-rathapañjara-rathadaṇḍa-yuga-rasmi-patodalatṭhi¹ ratho ”ti?
“Na hi bhante ”ti.

“Kimpana mahārāja aññatra īsā-akkha-cakka-rathapañjara-rathadaṇḍa-yuga-rasmi-patodālatṭhi¹ ratho ”ti?
“Na hi bhante ”ti.

“Tamaḥaṃ mahārāja pucchanto pucchanto na passāmi rathaṃ, saddo yeva nu kho mahārāja ratho?² Ko panettha ratho? Alikam tvaṃ mahārāja bhāsasi musāvadaṃ natthi ratho. Tvaṃ ’si mahārāja sakalajambudīpe aggarājā, kassa pana tvaṃ bhāyitvā musā bhāsasi. Suṇantu me bhontā pañcasatā yonakā asītisahassā ca bhikkhū. Ayaṃ milindo rājā evamāha: ‘Rathenāhaṃ āgato ’smī ’ti. Sace tvaṃ mahārāja rathenāgato ’si, ’rathaṃ me ārocehi ’ti vutto samāno rathaṃ na sampādeti. Kallannu kho tadabhinanditun ”ti?

Evam vutte pañcasatā yonakā āyasmato nāgasenassa sādhu-kāraṃ datvā, milindaṃ rājānaṃ etadavocuṃ: “Idāni kho tvaṃ mahārāja sakkonto bhāsassū ”ti.

Atha kho milindo rājā āyasmantaṃ nāgasenaṃ etadavoca : “Nāhaṃ bhante nāgasena musā bhaṇāmi, īsañca paṭicca akkhañca paṭicca cakkāni ca paṭicca rathapañjarañca paṭicca rathadaṇḍakañca paṭicca ratho ’ti saṅkhā samaññā paññatti vohāronāmamattaṃ pavattati ”ti.

“Sādhu kho tvaṃ mahārāja rathaṃ jānāsi. Evameva kho mahārāja mayhampi kese ca paṭicca lome ca paṭicca —pe— matthaluṅgañca paṭicca rūpañca paṭicca vedanañca paṭicca saññañca paṭicca saṅkhāre ca paṭicca viññāṇaṃ paṭicca ’nāgaseno ’ti saṅkhā samaññā paññatti vohāro nāmamattaṃ pavattati. Paramatthato panettha puggalo nūpalabbhati. Bhāsitampeṭaṃ mahārāja vajirāya bhikkhuniyā bhagavato sammukhā :

*Yathā hi aṅgasambhārā hoti saddo ratho iti,
evaṃ khandhesu santesu hoti ’satto ’ti sammutī ”ti.*

¹ °rasmi-patodā - Ma; °rasmi-patodaṃ - PTS.

² rathasaddo yeva nu kho mahārāja ratho ti. Na hi bhante ti - Ma.

“Có phải cái ách là cỗ xe?”

“Thưa ngài, không phải.”

“Có phải dây cương là cỗ xe?”

“Thưa ngài, không phải.”

“Có phải gậy thúc là cỗ xe?”

“Thưa ngài, không phải.”

“Tâu đại vương, vậy có phải gọng-trục-bánh xe-thùng xe-thanh chống-ách-dây cương-gậy thúc là cỗ xe?”

“Thưa ngài, không phải.”

“Tâu đại vương, vậy thì trừ ra gọng-trục-bánh xe-thùng xe-thanh chống-ách-dây cương-gậy thúc là cỗ xe?”

“Thưa ngài, không phải.”

“Tâu đại vương, trong khi lần lượt hỏi về điều ấy mà tôi vẫn không thấy ra được cỗ xe. Tâu đại vương, chẳng lẽ âm thanh lại là cỗ xe? Vậy thì cỗ xe ở đây là cái gì? Tâu đại vương, ngài nói không có cỗ xe là điều không thật là lời dối trá. Tâu đại vương, ngài là vị vua tối cao của toàn cõi xứ Jambudīpa, tại sao ngài lại sợ hãi và nói lời dối trá? Xin quý vị năm trăm người xứ Yonaka và tám mươi ngàn vị tỳ khưu hãy lắng nghe tôi. Đức vua Milinda này đã nói như vậy: ‘Trăm đi đến bằng cỗ xe.’ Trong khi được nói rằng: ‘Tâu đại vương, nếu bệ hạ đi đến bằng cỗ xe, xin bệ hạ hãy chỉ cỗ xe cho tôi’ thì không trình ra được cỗ xe. Vậy có hợp lý để chấp nhận điều ấy không?”

Khi được nói như vậy, năm trăm người xứ Yonaka đã tán thưởng đại đức Nāgasena bằng tiếng “Lành thay!” rồi đã nói với đức vua Milinda điều này: “Tâu đại vương, lúc này trong khi ngài có khả năng, xin ngài hãy nói.”

Khi ấy, đức vua Milinda đã nói với đại đức Nāgasena điều này: “Thưa ngài Nāgasena, trăm không nói lời dối trá. Do cái gọng, do cái trục, do các bánh xe, do thùng xe, do thanh chống mà có được từ phân biệt, tên thừa nhận, tên quy định, tên gọi thông thường là ‘cỗ xe’.”

“Tâu đại vương, thật tốt đẹp thay ngài nhận ra được cỗ xe. Tâu đại vương, cũng tương tự y như thế đối với tôi, do các sợi tóc, do các sợi lông, —(như trên)— do bộ não, do sắc, do thọ, do tưởng, do các hành, do thức mà có được từ phân biệt, tên thừa nhận, tên quy định, tên thông thường là ‘Nāgasena’.” Tuy nhiên, theo ý nghĩa rốt ráo thì không người nào được tìm thấy ở đây. Tâu đại vương, điều này cũng đã được tỳ khưu ni Vajirā nói lên trong sự hiện diện của đức Thế Tôn rằng:

Giống y như việc ráp chung lại các bộ phận thì có tiếng gọi là ‘cỗ xe,’ tương tự như vậy khi các uẩn hiện diện thì có sự công nhận là ‘con người.’”

“Acchariyaṃ bhante nāgasena, abbhutaṃ bhante nāgasena. Aticitrāni pañhapaṭibhānāni vissajjitāni. Yadi buddho tiṭṭheyya, sādhu kārāmaṃ dadeyya. Sādhu sādhu nāgasena. Aticitrāni pañhapaṭibhānāni vissajjitāni ”ti.

2. “Kativasso ’si tvam bhante nāgasenā ”ti?

“Sattavasso ’haṃ mahārājā ”ti.

“Ke te bhante satta? Tvaṃ vā satta, gaṇanā vā sattā ”ti?

Tena kho pana samayena milindassa rañño sabbābharaṇapatimaṇḍitassa alaṅkatapaṭiyattassa paṭhaviyaṃ chāyā dissati. Uda kamaṇike ’pi chāyā dissati. Atha kho āyasmā nāgaseno milindaṃ rājānaṃ etadavoca :

“Ayaṃ te mahārāja chāyā paṭhaviyaṃ udakamaṇike ca dissati. Kimpana mahārāja tvam vā rājā chāyā vā rājā ”ti?

“Ahambhante nāgasena rājā. Nāyaṃ chāyā rājā. Maṃ pana nissāya chāyā pavattatī ”ti.

“Evameva kho mahārāja vassānaṃ gaṇanā sattā ’ti, na panāhaṃ satta. Maṃ pana nissāya satta pavattati. Chāyūpamaṃ mahārāja jānāhī ”ti.

“Acchariyambhante nāgasena, abbhutaṃ bhante nāgasena. Aticitrāni pañhapaṭibhānāni vissajjitāni ”ti.

3. Rājā āha: “Bhante nāgasena sallapissasi mayā saddhin ”ti?

“Sace tvam mahārāja paṇḍitavādā¹ sallapissasi, sallapissāmi. Sace pana rājavādā² sallapissasi, na sallapissāmi ”ti.

“Kathambhante nāgasena paṇḍitā sallapantī ”ti?

“Paṇḍitānaṃ kho mahārāja sallāpe āveṭhanampi kayirati, nibbeṭhanampi kayirati, niggaho ’pi kayirati, paṭikammampi kayirati, viseso ’pi³ kayirati, paṭiviseso ’pi⁴ kayirati, na ca tena paṇḍitā kuppanti. Evaṃ kho mahārāja paṇḍitā sallapantī ”ti.

“Kathampana bhante rājāno sallapantī ”ti?

“Rājāno kho mahārāja sallāpe ekaṃ vatthum paṭijānanti. Yo taṃ vatthum vilometi, tassa daṇḍaṃ āṇāpentī: ‘Imassa daṇḍaṃ panethā ’ti.’⁵ Evaṃ kho mahārāja rājāno sallapantī ”ti.

“Paṇḍitavādāhaṃ bhante sallapissāmi, no rājavādā. Vissattho⁶ bhadanto sallapatu. Yathā bhikkhunā vā sāmaṇerena vā upāsakena vā ārāmikena vā saddhiṃ sallapati, evaṃ vissattho bhadanto sallapatu, mā bhāyatū ”ti.

¹ paṇḍitavādāhaṃ - Ma, evaṃ sabbattha.

² rājavādāhaṃ - Ma, evaṃ sabbattha.

³ vissāsopi - Ma.

⁴ paṭivissāsopi - Ma.

⁵ daṇḍaṃ paṇethā ti - Ma, PTS.

⁶ vissattho - Ma, evaṃ sabbattha.

“Thưa ngài Nāgasena, thật là kỳ diệu! Thưa ngài Nāgasena, thật là phi thường! Các sự ứng đối câu hỏi rất tuyệt vời đã được trình bày. Nếu đức Phật còn tại tiền thì Ngài cũng tán thưởng bằng tiếng ‘Lành thay!’ Này Nāgasena, thật tốt đẹp thay, thật tốt đẹp thay! Các sự ứng đối câu hỏi rất tuyệt vời đã được trình bày.”

2. “Thưa ngài Nāgasena, ngài được bao nhiêu năm tu?”

“Tâu đại vương, tôi được bảy năm tu.”

“Thưa ngài, bảy đó là gì? Ngài là bảy, hay sự tính đếm là bảy?”

Vào lúc bấy giờ, đức vua Milinda đã được chứng diện với mọi thứ trang sức, đã được trang điểm và phục sức, có bóng (chiếu xuống) được nhìn thấy ở mặt đất, có bóng (chiếu xuống) được nhìn thấy ở chậu nước nữa. Khi ấy, đại đức Nāgasena đã nói với đức vua Milinda điều này:

“Tâu đại vương, cái bóng này của ngài được nhìn thấy ở mặt đất và ở chậu nước. Tâu đại vương, thế thì ngài (đây) là đức vua hay cái bóng là đức vua?”

“Thưa ngài Nāgasena, trẫm (đây) là đức vua, cái bóng này không phải là đức vua. Tuy nhiên, nương vào trẫm (đây) mà có được cái bóng.”

“Tâu đại vương, tương tự y như thế, việc tính đếm các năm tu là bảy, tôi (đây) không phải là bảy. Tuy nhiên, nương vào tôi (đây) mà có được con số bảy. Tâu đại vương, ngài hãy hiểu như ví dụ về cái bóng.”

“Thưa ngài Nāgasena, thật là kỳ diệu! Thưa ngài Nāgasena, thật là phi thường! Các sự ứng đối câu hỏi rất tuyệt vời đã được trình bày.”

3. Đức vua đã nói rằng: “Thưa ngài Nāgasena, ngài sẽ trò chuyện với trẫm phải không?”

“Tâu đại vương, nếu ngài trò chuyện theo lối nói của bậc trí thì tôi sẽ trò chuyện. Tuy nhiên, nếu ngài trò chuyện theo lối nói của vị vua thì tôi sẽ không trò chuyện.”

“Thưa ngài Nāgasena, các bậc trí trò chuyện như thế nào?”

“Tâu đại vương, trong cuộc trò chuyện của các bậc trí thì việc rút gọn được làm, việc khai triển cũng được làm, việc phê bình cũng được làm, việc công kích cũng được làm, nói khác đi cũng được làm, nói trái ngược cũng được làm, và không vì thế mà các bậc trí bực bội. Tâu đại vương, các bậc trí trò chuyện là như vậy.”

“Thưa ngài Nāgasena, thế còn các vị vua trò chuyện như thế nào?”

“Tâu đại vương, trong cuộc trò chuyện các vị vua thông báo một sự việc. Ai không ưng thuận sự việc ấy, các vị vua ra lệnh hình phạt người ấy: ‘Các khanh hãy ban hình phạt cho kẻ này.’ Tâu đại vương, các vị vua trò chuyện là như vậy.”

“Thưa ngài, trẫm sẽ trò chuyện theo lối nói của bậc trí, không theo lối nói của vị vua. Xin Ngài đại đức hãy yên tâm trò chuyện. Ngài trò chuyện với tỳ khưu, với sa-di, với nam cư sĩ, hoặc với người hộ tự như thế nào, xin ngài đại đức hãy yên tâm trò chuyện như thế, chớ lo sợ.”

“Suṭṭhu mahārājā ”ti thero abbhanumodi.

Rājā āha: “Bhante nāgasena pucchissāmi ”ti?
“Puccha mahārājā ”ti.

“Pucchito ’si me bhante ”ti.
“Vissajjitaṃ mahārājā ”ti.

“Kimpana bhante tayā vissajjitaṃ ”ti?
“Kimpana mahārāja tayā pucchitaṃ ”ti?

4. Atha kho milindassa rañño etadahosi: “Paṇḍito kho ayaṃ bhikkhu paṭibalo mayā saddhiṃ sallapitaṃ, bahukāni ca me ṭhānāni pucchitabbāni bhavissanti. Yāva apucchitāni yeva tāni ṭhānāni bhavissanti, atha suriyo atthaṃ gamissati. Yannūnāhaṃ sve antepure sallapeyyaṃ ”ti.

Atha kho rājā devamantiyaṃ etadavoca: “Tena hi tvaṃ devamantiya bhadantassa āroceyyāsi: ‘Sve antepure rañña saddhiṃ sallāpo bhavissati ’”ti idaṃ vatvā milindo rājā uṭṭhāyāsanaṃ therāṃ nāgasenaṃ āpucchitvā assaṃ¹ abhirūhitvā ‘Nāgaseno nāgaseno ’ti sajjhāyaṃ karonto pakkāmi.

Atha kho devamantiyo āyasmantaṃ nāgasenaṃ etadavoca: “Rājā bhante milindo evamāha: ‘sve antepure sallāpo bhavissati ’”ti.
“Suṭṭhū ”ti thero abbhanumodi.

Atha kho tassā rattiyaṃ accayena devamantiyo ca anantakāyo ca maṅkuro ca sabbadinno ca yena milindo rājā tenupasaṅkamissa. Upasaṅkamitvā rājānaṃ milindaṃ etadavoca: “Āgacchati mahārāja bhadanto nāgaseno ”ti.
“Āma āgacchatū ”ti.

“Kittakehi bhikkhūhi saddhiṃ āgacchatū ”ti?
“Yattake bhikkhū icchati, tattakehi bhikkhūhi saddhiṃ āgacchatū ”ti.

Atha kho sabbadinno āha: “Āgacchatu mahārāja dasahi bhikkhūhi saddhin ”ti. Dutiyampi kho rājā āha: “Yattake bhikkhū icchati, tattakehi bhikkhūhi saddhiṃ āgacchatū ”ti. Dutiyampi kho sabbadinno āha: “Āgacchatu mahārāja dasahi bhikkhūhi saddhin ”ti. Tatiyampi kho rājā āha: “Yattake bhikkhū icchati, tattakehi bhikkhūhi saddhiṃ āgacchatū ”ti. Tatiyampi kho sabbadinno āha: “Āgacchatu mahārāja dasahi bhikkhūhi saddhin ”ti.

“Sabbo pana ayaṃ sakkāro paṭiyādito ahaṃ bhaṇāmi: ‘Yattake bhikkhū icchati tattakehi bhikkhūhi saddhiṃ āgacchatū ’ti. Ayambhane sabbadinno aññathā bhaṇati, kinnu pana mayaṃ na paṭibalā bhikkhūnaṃ bhojanaṃ dātun ”ti?

¹ rathaṃ - Ma.

“Tâu đại vương, thật tốt lắm.” Vị trưởng lão đã tán thành.

Đức vua đã nói rằng: “Thưa ngài Nāgasena, trăm sẽ hỏi?”
“Tâu đại vương, xin hãy hỏi.”

“Thưa ngài, ngài đã được trăm hỏi rồi.”
“Tâu đại vương, đã được trả lời rồi.”

“Thưa ngài, vậy chớ điều gì đã được ngài trả lời?”
“Tâu đại vương, vậy chớ điều gì đã được ngài hỏi?”

4. Khi ấy, đức vua Milinda đã khởi ý điều này: “Vị tỳ khưu này quả là sáng trí, có năng lực để trò chuyện với ta, và ta có nhiều sự việc cần phải hỏi. Cho đến khi các sự việc ấy còn chưa được hỏi xong thì mặt trời sẽ lặn, có lẽ ta nên trò chuyện vào ngày mai ở nội cung?”

Khi ấy, đức vua đã nói với Devamantiya điều này: “Này Devamantiya, như vậy thì khanh có thể thông báo cho ngài đại đức rằng: ‘Ngày mai sẽ có cuộc trò chuyện với đức vua ở nội cung.’” Nói xong điều này, đức vua Milinda đã rời chỗ ngồi đứng dậy, chào hỏi Nāgasena, leo lên ngựa, rồi ra đi trong khi còn đang lẩm nhẩm “Nāgasena, Nāgasena.”

Sau đó, Devamantiya đã nói với đại đức Nāgasena điều này: “Thưa ngài, đức vua Milinda đã nói như vậy: ‘Ngày mai sẽ có cuộc trò chuyện ở nội cung.’” “Thật tốt lắm.” Vị trưởng lão đã tán thành.

Sau đó, vào cuối đêm ấy Devamantiya, Anantakāya, Maṅkura, và Sabbadinna đã đi đến gặp đức vua Milinda, sau khi đến đã nói với đức vua Milinda điều này: “Tâu đại vương, ngài đại đức Nāgasena đến.”
“Vâng, hãy để ngài đến.”

“Hãy để ngài đến cùng với bao nhiêu vị tỳ khưu?”
“Ngài muốn bao nhiêu vị tỳ khưu thì hãy để ngài đến cùng với bấy nhiêu vị tỳ khưu.”

Khi ấy, Sabbadinna đã nói rằng: “Tâu đại vương, hãy để ngài đến cùng với mười vị tỳ khưu.” Đến lần thứ nhì, đức vua Milinda đã nói rằng: “Ngài muốn bao nhiêu vị tỳ khưu thì hãy để ngài đến cùng với bấy nhiêu vị tỳ khưu.” Đến lần thứ nhì, Sabbadinna đã nói rằng: “Tâu đại vương, hãy để ngài đến cùng với mười vị tỳ khưu.” Đến lần thứ ba, đức vua Milinda đã nói rằng: “Ngài muốn bao nhiêu vị tỳ khưu thì hãy để ngài đến cùng với bấy nhiêu vị tỳ khưu.” Đến lần thứ ba, Sabbadinna đã nói rằng: “Tâu đại vương, hãy để ngài đến cùng với mười vị tỳ khưu.”

“Tất cả việc khoản đãi này đã được chuẩn bị nên Trăm nói rằng: ‘Ngài muốn bao nhiêu vị tỳ khưu thì hãy để ngài đến cùng với bấy nhiêu vị tỳ khưu.’” Nay các khanh, Sabbadinna này lại nói khác đi. Chẳng lẽ chúng ta không có khả năng để dâng cơm đến các tỳ khưu?”

Evam vutte sabbadinno maṅku ahosi. Atha kho devamantiyo ca ananta-kāyo ca maṅkuro ca yenāyasmā nāgaseno tenupasaṅkamim̐su. Upasaṅka-mitvā āyasmantaṃ nāgasenaṃ etadavocuṃ: “Rājā bhante milindo evamāha: ‘Yattake bhikkhū icchatī tattakehi bhikkhūhi saddhiṃ āgacchatū’ ”ti.

Atha kho āyasmā nāgaseno pubbaṅhasamayaṃ nivāsetvā pattacīvaram-ādāya asītiyā bhikkhusahashehi saddhiṃ sāgalaṃ pāvīsi. Atha kho ananta-kāyo āyasmantaṃ nāgasenaṃ nissāya gacchanta āyasmantaṃ nāgasenaṃ etadavoca: “Bhante nāgasena, yampanetaṃ brūmi¹ ‘Nāgaseno’ ti, katamettha² nāgaseno ”ti?

Thero āha: “Ko panettha nāgaseno’ ti maññasī ”ti?

“Yo so bhante abbhantare vāyo³ jīvo pavīsati ca nikkhamati ca, so nāgaseno’ ti maññāmī ”ti.

“Yadi paneso vāto nikkhamitvāna na paviseyya pavisitvā vā na nikkhameyya, jīveyya nu kho so puriso ”ti?

“Na hi bhante ”ti.

“Ye panime saṅkhadhamakā saṅkhaṃ dhamenti tesam vāto puna pavīsati ”ti?

“Na hi bhante ”ti.

“Ye panime vaṃsadhamakā vaṃsaṃ dhamenti, tesam vāto puna pavīsati ”ti?

“Na hi bhante ”ti.

“Ye panime siṅgadhamakā siṅgaṃ dhamenti, tesam vāto puna pavīsati ”ti?

“Na hi bhante ”ti.

“Atha kissa pana te na marantī ”ti?

“Nāhaṃ paṭibalo tayā vādinā saddhiṃ sallapituṃ. Sādhu bhante atthaṃ jappehī ”ti.

“Neso jīvo. Assāsapassāsā nāmete kāyasaṅkhārā ”ti.

Thero abhidhammakathaṃ akāsi atha anantakāyo upāsakattaṃ paṭivedesi.

5. Atha kho āyasmā nāgaseno yena milindassa rañño nivesanaṃ tenupasaṅkami. Upasaṅkamitvā paññatte āsane nisīdi. Atha kho milindo rājā āyasmantaṃ nāgasenaṃ sapariṣaṃ paṇitena khādaniyena bhojaniyena sahatthā santappetvā sampavāretvā ekamekaṃ bhikkhuṃ ekamekena dussayugena acchādetvā āyasmantaṃ nāgasenaṃ ticīvarena acchādetvā āyasmantaṃ nāgasenaṃ etadavoca: “Bhante nāgasena dasahi bhikkhūhi saddhiṃ idha nisīdatha. Avasesā gacchantū ”ti.

¹ brūsi - Ma.

² katamo ettha - Ma; katam’ ettha - PTS.

³ vāto - Ma.

Khi được nói như vậy, Sabbadinna đã xấu hổ. Sau đó, Devamantiya, Anantakāya, và Maṅkura đã đi đến gặp đại đức Nāgasena, sau khi đến đã nói với đại đức Nāgasena điều này: “Thưa ngài, đức vua Milinda đã nói như vậy: ‘Ngài muốn bao nhiêu vị tỳ khưu thì hãy để ngài đến cùng với bấy nhiêu vị tỳ khưu.’”

Sau đó, đại đức Nāgasena vào buổi sáng sớm đã mặc y cầm lấy bình bát và y rồi cùng với tám mươi ngàn vị tỳ khưu đã đi vào thành Sāgala. Lúc ấy, Anantakāya khi đang đi gần đại đức Nāgasena đã nói với đại đức Nāgasena điều này: “Thưa ngài Nāgasena, điều mà tôi gọi là ‘Nāgasena,’ ở đây cái gì là Nāgasena?”

Vị trưởng lão đã nói rằng: “Người suy nghĩ xem ‘ở đây ai là Nāgasena?’”

“Thưa ngài, sự sống, tức là gió ở bên trong, đi vào rồi đi ra, tôi nghĩ rằng ‘cái ấy là Nāgasena.’”

“Vậy nếu gió ấy đi ra rồi không đi vào, hoặc đi vào rồi không đi ra, thì người ấy còn sống không?”

“Thưa ngài, không.”

“Những người thối tù và vỏ ốc, khi thối tù và vỏ ốc thì gió của họ có đi vào lại không?”

“Thưa ngài, không.”

“Những người thối sáo, khi thối sáo thì gió của họ có đi vào lại không?”

“Thưa ngài, không.”

“Những người thối tù và sừng trâu, khi thối tù và sừng trâu thì gió của họ có đi vào lại không?”

“Thưa ngài, không.”

“Thế thì tại sao họ lại không chết đi?”

“Thưa ngài, tôi không có khả năng để trò chuyện với nhà diễn thuyết như ngài. Thưa ngài, lành thay xin ngài nói về ý nghĩa.”

“Cái ấy không phải là sự sống. Hơi thở vào hơi thở ra, những cái này gọi là thân hành.”

Vị trưởng lão đã thuyết giảng về Vi Diệu Pháp, rồi Anantakāya đã tuyên bố mình trở thành người cận sự nam.

5. Sau đó, đại đức Nāgasena đã đi đến nơi trú ngụ của đức vua Milinda, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi đã được sắp đặt. Khi ấy, đức vua Milinda đã tự tay làm hài lòng và toại ý đại đức Nāgasena và hội chúng với thức ăn hào hạng loại cứng loại mềm, rồi đã dâng mỗi một vị tỳ khưu mỗi một xấp vải đoi, đã dâng đại đức Nāgasena với ba y, rồi đã nói với đại đức Nāgasena điều này: “Thưa ngài Nāgasena, xin ngài hãy ngồi lại đây cùng với mười vị tỳ khưu, hãy cho các vị còn lại đi về.”

Atha kho milindo rājā āyasmantaṃ nāgasenaṃ bhuttāviṃ onītapatta-pāṇiṃ viditvā aññataraṃ nīcaṃ āsanaṃ gahetvā ekamantaṃ nisīdi. Ekamantaṃ nisinno kho milindo rājā āyasmantaṃ nāgasenaṃ etadavoca: “Bhante nāgasena kimhi hoti kathāsallāpo ”ti?

“Atthena mayaṃ mahārāja atthikā, atthena¹ tāva hotu kathāsallāpo ”ti.

Rājā āha: “**Kimatthiyā bhante nāgasena tumhākaṃ pabbajjā? Ko ca tumhākaṃ paramattho** ”ti?

Thero āha: “Kinti mahārāja idaṃ dukkhaṃ nirujjheyya, aññañca dukkhaṃ na uppajjeyyā ’ti etadatthā mahārāja amhākaṃ pabbajjā. Anupādā parinibbāṇaṃ kho pana amhākaṃ paramattho ”ti.

“Kimpana bhante nāgasena sabbe etadatthāya pabbajjanti. ”ti?

“Na hi mahārāja. Keci etadatthāya pabbajjanti. Keci rājabhītiyā² pabbajjanti. Keci corabhītiyā¹ pabbajjanti. Keci iṇaṭṭā pabbajjanti. Keci ājīvikatthāya pabbajjanti. Ye pana sammā pabbajjanti, te etadatthāya pabbajjanti ”ti.

“Tvamaṃ pana bhante etadatthāya pabbajito ’si ”ti?

“Ahaṃ kho mahārāja daharako santo pabbajito. Na jānāmi ‘imassa³ nāmatthāya pabbajāmī ’ti. Api ca kho me evaṃ ahosi: ‘Paṇḍitā ime samaṇā sakyaputtiyā. Te maṃ sikkhāpessanti ’ti. Svāhaṃ tehi sikkhāpito jānāmi ca passāmi ca ‘imassa nāmatthāya pabbajjā ”ti.

“Kallo ’si bhante nāgasenā ”ti.

6. Rājā āha: “**Bhante nāgasena atthi koci mato na paṭisandahatī** ”ti?

Thero āha: “Koci paṭisandahati. Koci na paṭisandahatī ”ti.

“Ko paṭisandahati? Ko na paṭisandahatī ”ti?

“Sakkilesa mahārāja paṭisandahati. Nikkilesa na paṭisandahatī ”ti.

“Tvamaṃ pana bhante paṭisandahissasi ”ti?

“Sace mahārāja saupādāno bhavissāmi, paṭisandahissāmi. Sace anupādāno bhavissāmi, na paṭisandahissāmī ”ti.

“Kallo ’si bhante nāgasenā ”ti.

7. Rājā āha: “**Bhante nāgasena, yo na paṭisandahati, nanu so yonisomanasikārena na paṭisandahati** ”ti?

¹ atthe - Ma, PTS.

² °bhinitā - Ma, PTS; °bhītā - Sīmu.

³ imaṃ - Sīmu.

Sau đó, biết được đại đức Nāgasena đã thọ thực xong, bàn tay đã rời khỏi bình bát, đức vua Milinda đã cầm lấy một chiếc ghế thấp rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức vua Milinda đã nói với đại đức Nāgasena điều này: “Thưa ngài Nāgasena, cuộc trao đổi trò chuyện là về điều gì?”

“Tâu đại vương, chúng ta là những người có sự mong cầu về mục đích, vậy hãy là cuộc trao đổi trò chuyện thuần về mục đích.”

Đức vua đã nói rằng: **“Thưa ngài Nāgasena, sự xuất gia của ngài là với mục đích gì? Và mục đích tối cao của ngài là gì?”**

Vị trưởng lão đã nói rằng: “Tâu đại vương, làm cách nào để cho khổ này diệt, và khổ khác không thể sanh lên? Tâu đại vương, sự xuất gia của tôi là với mục đích ấy. Còn mục đích tối cao của tôi là Niết Bàn không còn chấp thủ.”

“Thưa ngài Nāgasena, có phải tất cả đều xuất gia với mục đích này?”

“Tâu đại vương, không hẳn. Một số xuất gia với mục đích này. Một số xuất gia vì sợ hãi đức vua. Một số xuất gia vì sợ hãi kẻ đạo tặc. Một số xuất gia vì bị hành hạ bởi nợ nần. Một số xuất gia vì mục đích nuôi mạng. Những người nào xuất gia chân chánh, những người ấy xuất gia với mục đích này.”

“Thưa ngài, có phải ngài đã xuất gia với mục đích này?”

“Tâu đại vương, tôi đã xuất gia khi còn là đứa bé trai. Tôi không biết là ‘tôi xuất gia với mục đích này.’ Tuy nhiên, tôi đã khởi ý như vậy: ‘Các vị Sa-môn Thích tử này là các bậc trí. Các vị sẽ cho ta học tập.’ Tôi đây đã được học tập với họ, tôi biết và nhận thức rằng: ‘Sự xuất gia là với mục đích này.’”

“Thưa ngài Nāgasena, ngài thật khôn khéo.”

6. Đức vua đã nói rằng: **“Thưa ngài Nāgasena, có người nào chết mà không tái sanh?”**

Vị trưởng lão đã nói rằng: “Tâu đại vương, có người tái sanh, có người không tái sanh.”

“Người nào tái sanh? Người nào không tái sanh?”

“Tâu đại vương, người còn phiền não tái sanh. Người không còn phiền não không tái sanh.”

“Thưa ngài, có phải ngài sẽ tái sanh?”

“Tâu đại vương, nếu tôi còn chấp thủ, tôi sẽ tái sanh. Nếu tôi không còn chấp thủ, tôi sẽ không tái sanh.”

“Thưa ngài Nāgasena, ngài thật khôn khéo.”

7. Đức vua đã nói rằng: **“Thưa ngài Nāgasena, người nào không tái sanh, phải chăng người ấy không tái sanh do tác ý đúng đường lối?”**

“Yoniso ca mahārāja manasikārena, paññāya ca aññehi ca kusalehi dhammehi ”ti.

“Nanu bhante yoniso manasikāroyeva paññā ”ti?

“Na hi mahārāja. Añño manasikāro, aññā paññā. Imesaṃ kho mahārāja ajelakagomahisaotṭhagadrabhānampi manasikāro atthi, paññā pana tesam natthi ”ti.

“Kallo ’si bhante nāgasenā ”ti.

LAKKHAṆAPAÑHĀ

8. Rājā āha: “**Kiṃlakkhaṇo bhante manasikāro? Kiṃlakkhaṇā paññā** ”ti?

“Ūhanalakkhaṇo kho mahārāja manasikāro. Chedanalakkhaṇā paññā ”ti.

“Kathaṃ ūhanalakkhaṇo manasikāro? Kathaṃ chedanalakkhaṇā paññā? Opammaṃ karohi ”ti.

“Jānāsi tvaṃ mahārāja yavalāvake ”ti?

“Āma bhante, jānāmī ”ti.

“Kathaṃ mahārāja yavalāvakā yavaṃ lunantī ”ti?

“Vāmena bhante hatthena yavakalāpaṃ gahetvā dakkhiṇena hatthena dāttaṃ gahetvā dāttena chindantī ”ti.

“Yathā mahārāja yavalāvako vāmena hatthena yavakalāpaṃ gahetvā dakkhiṇena hatthena dāttaṃ gahetvā dāttena chindati, evameva kho mahārāja yogāvacaro manasikārena mānasam gahetvā paññāya kilese chindati. Evaṃ kho mahārāja ūhanalakkhaṇo manasikāro, evaṃ chedanalakkhaṇā paññā ”ti.

“Kallo ’si bhante nāgasenā ”ti.

9. Rājā āha: “**Bhante nāgasena, yampanetaṃ brūsi ‘aññehi ca kusalehi dhammehi ’ti, katame te kusalā dhammā** ”ti?

“Silaṃ mahārāja saddhā viriyaṃ sati samādhi, ime te kusalā dhammā ”ti.

“**Kiṃlakkhaṇaṃ bhante sīlan** ”ti?

“Patiṭṭhānalakkhaṇaṃ mahārāja sīlaṃ. Sabbesaṃ kusalānaṃ dhammānaṃ indriya-bala-bojjhaṅga-magga-satipatṭhāna-sammappadhāna-iddhipāda-jhānavimokkha-samādhi-samāpattinaṃ sīlaṃ patiṭṭhā. Sīle patiṭṭhitassa kho mahārāja sabbe kusalā dhammā na parihāyanti ”ti.¹

¹ °jhānavimokkhasamādhisamāpattinaṃ sīlaṃ patiṭṭhaṃ, sīle patiṭṭhito kho mahārāja yogāvacaro sīlaṃ nissāya sīle patiṭṭhāya pañcendriyāni bhāveti saddhindriyaṃ viriyindriyaṃ satindriyaṃ samādhindriyaṃ paññindriyanti, sabbe kusalā dhammā na parihāyanti ti - Ma.

“Tâu đại vương, do tác ý đúng đường lối, do tuệ, và do các thiện pháp khác.”

“Thưa ngài, phải chăng tác ý đúng đường lối chính là tuệ?”

“Tâu đại vương, không phải. Tác ý đúng đường lối là cái khác, tuệ là cái khác. Tâu đại vương, đối với hai pháp này, thì các loài dê, cừu, bò, trâu, lạc đà, lừa có sự tác ý, tuy nhiên chúng không có tuệ.”

“Thưa ngài Nāgasena, ngài thật khôn khéo.”

CÁC CÂU HỎI VỀ TƯỚNG TRẠNG

8. Đức vua đã nói rằng: **“Thưa ngài, tác ý có gì là tướng trạng, tuệ có gì là tướng trạng?”**

“Tâu đại vương, tác ý có sự cân nhắc là tướng trạng, tuệ có sự cắt đứt là tướng trạng.”

“Thưa ngài, tác ý có sự cân nhắc là tướng trạng nghĩa là thế nào? Tuệ có sự cắt đứt là tướng trạng nghĩa là thế nào? Xin ngài cho ví dụ.”

“Tâu đại vương, ngài có biết về những người gặt lúa không?”

“Thưa ngài, đúng vậy. Trẫm có biết.”

“Tâu đại vương, những người gặt lúa cắt cây lúa như thế nào?”

“Thưa ngài, họ nắm bó lúa bằng tay trái, cầm cái liềm bằng tay phải, rồi cắt bằng cái liềm.”

“Tâu đại vương, giống như người gặt lúa nắm lấy bó lúa bằng tay trái, cầm cái liềm bằng tay phải, rồi cắt bằng cái liềm, tương tự y như thế hành giả nắm lấy ý bằng sự tác ý rồi cắt đứt các phiền não bằng tuệ. Tâu đại vương, tác ý có sự cân nhắc là tướng trạng nghĩa là như vậy, tuệ có sự cắt đứt là tướng trạng nghĩa là như vậy.”

“Thưa ngài Nāgasena, ngài thật khôn khéo.”

9. **“Thưa ngài Nāgasena, điều mà ngài đã nói là ‘các thiện pháp khác,’ các thiện pháp ấy là những gì?”**

“Tâu đại vương, là giới, tín, tấn, niệm, định, những cái này là các thiện pháp ấy.”

“Thưa ngài, giới có gì là tướng trạng?”

“Tâu đại vương, giới có sự đặt nền tảng là tướng trạng. Giới là nền tảng của tất cả các thiện pháp, của các sự thể nhập các quyền, các lực, các chi phần đưa đến giác ngộ, các Đạo, các sự thiết lập niệm, các chánh tinh tấn, các nền tảng của thần thông, các thiên, các sự giải thoát, các tầng định. Tâu đại vương, đối với người đã đặt nền tảng ở giới thì tất cả các thiện pháp không bị tiêu hoại.”

“Opammaṃ karohī ”ti.

“Yathā mahārāja ye keci bijagāmabhūtagāmā vuḍḍhiṃ virūlhiṃ vepullaṃ āpajjanti, sabbe te paṭhaviṃ nissāya paṭhaviyaṃ paṭiṭṭhāya eva hete bijagāmabhūtagāmā¹ vuḍḍhiṃ virūlhiṃ vepullaṃ āpajjanti. Evameva kho mahārāja yogāvacaro sīlaṃ nissāya sīle paṭiṭṭhāya pañcindriyāni bhāveti saddhindriyaṃ viriyindriyaṃ satindriyaṃ samādhindriyaṃ paññindriyaṃ ”ti.

“Bhiyyo opammaṃ karohī ”ti.

“Yathā mahārāja ye keci balakaraṇiyyā² kammantā kariyanti,³ sabbe te paṭhaviṃ nissāya paṭhaviyaṃ paṭiṭṭhāya evamete balakaraṇiyyā kammantā⁴ kariyanti. Evameva kho mahārāja yogāvacaro sīlaṃ nissāya sīle paṭiṭṭhāya pañcindriyāni bhāveti saddhindriyaṃ viriyindriyaṃ satindriyaṃ samādhindriyaṃ paññindriyaṃ ”ti.

“Bhiyyo opammaṃ karohī ”ti.

“Yathā mahārāja nagaravaḍḍhakī nagaraṃ māpetukāmo paṭhamaṃ nagaraṭṭhānaṃ sodhāpetvā khāṇukaṇṭakaṃ apakaḍḍhāpetvā samaṃ kārāpetvā, tato aparabhāge vithicatukkasiṅghāṭakādiparicchedena vibhajitvā nagaraṃ māpeti. Evameva kho mahārāja yogāvacaro sīlaṃ nissāya sīle paṭiṭṭhāya pañcindriyāni bhāveti saddhindriyaṃ viriyindriyaṃ satindriyaṃ samādhindriyaṃ paññindriyaṃ ”ti.

“Bhiyyo opammaṃ karohī ”ti.

“Yathā mahārāja laṅghako sippaṃ dassetukāmo paṭhaviṃ khaṇāpetvā sakkarakaṭhalakaṃ apakaḍḍhāpetvā bhūmiṃ samaṃ kārāpetvā mudukāya bhūmiyā sippaṃ dasseti. Evameva kho mahārāja yogāvacaro sīlaṃ nissāya sīle paṭiṭṭhāya pañcindriyāni bhāveti saddhindriyaṃ viriyindriyaṃ satindriyaṃ samādhindriyaṃ paññindriyaṃ. Bhāsitampeṭaṃ mahārāja bhagavatā:

*Sīle paṭiṭṭhāya naro sapañño cittaṃ paññañca bhāvayaṃ,
ātāpī nipako bhikkhu so imaṃ vijāṭaye jaṭaṃ.*

*Ayaṃ paṭiṭṭhā dharaṇī va pāṇinaṃ
idañca mūlaṃ kusalābhivuddhiyā,
mukhañcidaṃ sabbajinānusāsane
yo sīlakkhandho varapātimokkhiyo ”ti.*

“Kallo ’si bhante nāgasenā ”ti.

10. Rājā āha: “**Bhante nāgasena kiṃlakkhaṇā saddhā** ”ti?

“Sampasādanalakkhaṇā ca mahārāja saddhā sampakkhandanalakkhaṇā cā ”ti.

¹ eva hete bijagāmabhūtagāmā - Machasaṃ potthake na dissate;

evam ete bijagāmabhūtagāmā - PTS. ³ kayiranti - Ma, evaṃ sabbattha.

² balakaraṇiyyā - Ma, PTS.

⁴ evamete balakaraṇiyyā kammantā - Ma. potthake natthi.

“Xin ngài cho ví dụ.”

“Tâu đại vương, giống như các loại hạt giống và các loài thảo mộc nào đạt được sự phát triển, tăng trưởng, lớn mạnh, tất cả các loại hạt giống và các loài thảo mộc đạt được sự phát triển, tăng trưởng, lớn mạnh như thế này đều nương tựa vào đất, đều đặt nền tảng ở đất. Tâu đại vương, tương tự y như thế, hành giả tu tập năm quyền: tín quyền, tấn quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền đều nương tựa vào giới, đều đặt nền tảng ở giới.”

“Xin ngài cho thêm ví dụ.”

“Tâu đại vương, giống như các công việc nặng nhọc¹ nào được thực hiện, tất cả các công việc nặng nhọc được thực hiện như thế này đều nương tựa vào đất, đều đặt nền tảng ở đất. Tâu đại vương, tương tự y như thế, hành giả tu tập năm quyền: tín quyền, tấn quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền đều nương tựa vào giới, đều đặt nền tảng ở giới.”

“Xin ngài cho thêm ví dụ.”

“Tâu đại vương, giống như nhà kiến trúc đô thị có ý định xây dựng thành phố thì trước tiên cho làm sạch sẽ khu vực thành phố, cho dời đi gốc cây và các gai góc, cho làm bằng phẳng, sau đó phân chia khu vực của các con đường, các lô đất vuông, các giao lộ, v.v... rồi mới xây dựng thành phố. Tâu đại vương, tương tự y như thế, hành giả tu tập năm quyền: tín quyền, tấn quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền đều nương tựa vào giới, đều đặt nền tảng ở giới.”

“Xin ngài cho thêm ví dụ.”

“Tâu đại vương, giống như diễn viên nhào lộn có ý định biểu diễn nghề nghiệp thì cho người đào đất, cho dời đi sạn sỏi mảnh sành, cho làm bằng phẳng, rồi biểu diễn nghề nghiệp ở mặt đất mềm. Tâu đại vương, tương tự y như thế, hành giả tu tập năm quyền: tín quyền, tấn quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền đều nương tựa vào giới, đều đặt nền tảng ở giới. Tâu đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến:

*Sau khi đặt nền tảng ở giới, người có trí tu tập tâm và tuệ.
Vị tỳ khuru tinh cần, chính chắn, vị ấy có thể gỡ ra mối rối này.*

*Đây là nền tảng ví như trái đất đối với các sinh mạng,
và đây là gốc của sự phát triển các điều tốt đẹp,
và đây là phần đầu ở lời dạy của tất cả các đấng Chiến Thắng,
chính là nhóm giới ở giới bốn Pātimokkha cao quý.”*

“Thưa ngài Nāgasena, ngài thật khôn khéo.”

10. Đức vua đã nói rằng: **“Thưa ngài Nāgasena, tín có gì là tướng trạng?”**

“Tâu đại vương, tín có sự thanh lọc là tướng trạng, và có sự tiến vào là tướng trạng.”

¹ *balakaraṇiyyā*: dịch sát nghĩa sẽ là ‘cần phải làm bằng sức mạnh.’

“Kathaṃ bhante sampasādanalakkhaṇā saddhā ”ti?

“Saddhā kho mahārāja uppajjamānā nīvaraṇe vikkhambheti, vinīvaraṇaṃ cittaṃ karoti acchaṃ vip̐pasannaṃ anāvilaṃ. Evaṃ kho mahārāja sampasādanalakkhaṇā saddhā ”ti.

“Opammaṃ karohī ”ti.

“Yathā mahārāja rājā cakkavattī caturaṅginiyā senāya saddhiṃ addhāna-maggapaṭipanno parittaṃ udakaṃ tareyya, taṃ udakaṃ hatthīhi ca assehi ca rathehi ca pattīhi ca khubhitaṃ bhaveyya āvilaṃ lulitaṃ¹ kalalībhūtaṃ, uttiṇṇo ca rājā cakkavattī manusse āṇāpeyya ‘pāṇiyaṃ bhane² āharatha pivissāmī ’ti. Rañño ca udakappāsādako maṇi bhaveyya. ‘Evaṃ devā ’ti kho te manussā rañño cakkavattissa paṭissutvā taṃ udakappasādakaṃ maṇiṃ uduke pakkhipeyyuṃ tasmiṃ uduke pakkhittamate saṅkhasevālapanaṃ vigaccheyya, kaddamo ca sannisīdeyya, acchambhaveyya udakaṃ vip̐pasannaṃ anāvilaṃ, tato rañño cakkavattissa pāṇiyaṃ upanāmeyyuṃ ‘pivatu devo pāṇiyaṃ ’ti. Yathā mahārāja udakaṃ, evaṃ cittaṃ daṭṭhabbaṃ. Yathā te manussā, evaṃ yogāvacarō daṭṭhabbo. Yathā saṅkhasevālapanaṃ kaddamo ca, evaṃ kilesā daṭṭhabbā. Yathā udakappasādako maṇi, evaṃ saddhā daṭṭhabbā. Yathā udakappasādake maṇimhi uduke pakkhittamate saṅkhasevālapanaṃ vigaccheyya, kaddamo ca sannisīdeyya, acchaṃ bhaveyya udakaṃ vip̐pasannaṃ anāvilaṃ, evameva kho mahārāja saddhā uppajjamānā nīvaraṇe vikkhambheti, vinīvaraṇaṃ cittaṃ karoti acchaṃ vip̐pasannaṃ anāvilaṃ. Evaṃ kho mahārāja sampasādanalakkhaṇā saddhā ”ti.³

11. “**Kathambhante sampakkhandanalakkhaṇā saddhā ”ti?**

“Yathā mahārāja yogāvacarō aññesaṃ cittaṃ vimuttaṃ passivā sotāpattiphale vā sakadāgāmiphale vā anāgāmiphale vā arahatte vā sampakkhandati, yogaṃ karoti appattassa pattiyaṃ anadhigatassa adhigamāya asacchikatassa sacchikiriyāya, evaṃ kho mahārāja sampakkhandanalakkhaṇā saddhā ”ti.

“Opammaṃ karohī ”ti.

“Yathā mahārāja uparipabbate mahāmegho abhippavasseyya, taṃ udakaṃ yathā ninnāṃ pavattamānaṃ pabbatakandarapadasākhā paripūretvā nadiṃ paripūreyya, sā ubhato kūlāni saṃvissandanti gaccheyya, atha mahājanakāyo āgantvā tassā nadiyā uttānataṃ vā gambhīrataṃ vā ajānanto bhīto vittattho⁴ tīre tiṭṭheyya, athaññataro puriso āgantvā attano thāmañca balañca sampassanto gālhaṃ kacchaṃ bandhitvā pakkhanditvā tareyya, taṃ tiṇṇaṃ passivā mahājanakāyo ’pi tareyya.

¹ lulitaṃ - Ma, PTS.

² bhane - Ma, PTS.

³ evaṃ kho mahārāja ... saddhā ti. kallosi bhante nāgasenā ti - Ma.

⁴ vitthato - Ma, PTS; mitthato - Sīmu.

“Thưa ngài, tín có sự thanh lọc là tướng trạng nghĩa là thế nào?”

“Tâu đại vương, tín trong khi được sanh lên thì loại trừ các pháp che lấp, làm cho tâm thoát khỏi các pháp che lấp, không bị bợn nhơ, trong sạch, không bị vẩn đục. Tâu đại vương, tín có sự thanh lọc là tướng trạng nghĩa là như vậy.”

“Xin ngài cho ví dụ.”

“Tâu đại vương, giống như đức chuyển luân vương di chuyển đường xa cùng với đạo quân gồm bốn binh chủng vượt qua vũng nước nhỏ, vũng nước nhỏ ấy bởi các con voi, bởi các con ngựa, bởi các cỗ xe, và bởi các bộ binh, bị khuấy động, bị vẩn đục, bị quậy lên, trở thành bùn lầy. Và khi đã vượt qua, đức chuyển luân vương ra lệnh cho mọi người rằng: ‘Này các khanh, hãy mang nước lại, trâm sẽ uống nước.’ Và đức vua có viên ngọc ma-ni lọc nước. ‘Tâu bệ hạ, xin tuân lệnh.’ Những người ấy vâng lệnh đức chuyển luân vương và thả viên ngọc ma-ni lọc nước ấy vào trong nước. Ngay khi viên ngọc ấy được thả vào trong nước thì số lượng rong rêu biến mất, và bùn lắng xuống, nước trở nên không bị bợn nhơ, trong sạch, không bị vẩn đục, sau đó họ đã dâng nước uống đến đức chuyển luân vương: ‘Tâu bệ hạ, xin ngài hãy uống nước.’ Tâu đại vương, nước như thế nào thì nên xem tâm là như vậy. Những người ấy như thế nào thì nên xem hành giả là như vậy. Số lượng rong rêu và bùn như thế nào thì nên xem các phiền não là như vậy. Viên ngọc ma-ni lọc nước như thế nào thì nên xem tín là như vậy. Giống như khi viên ngọc ma-ni lọc nước được thả vào trong nước thì số lượng rong rêu biến mất, và bùn lắng xuống, nước trở nên không bị bợn nhơ, trong sạch, không bị vẩn đục, tâu đại vương tương tự y như thế, tín trong khi được sanh lên thì loại trừ các pháp che lấp, làm cho tâm thoát khỏi các pháp che lấp, không bị bợn nhơ, trong sạch, không bị vẩn đục. Tâu đại vương, tín có sự thanh lọc là tướng trạng nghĩa là như vậy.”

11. “Thưa ngài, tín có sự tiến vào là tướng trạng nghĩa là thế nào?”

“Tâu đại vương, giống như sau khi nhìn thấy tâm của những người khác được giải thoát và tiến vào quả Nhập Lưu, hoặc quả Nhất Lai, hoặc quả Bất Lai, hoặc phẩm vị A-la-hán, vị hành giả thực hành việc tu luyện để đạt đến pháp chưa được đạt đến, để chứng đạt pháp chưa được chứng đạt, để chứng đắc pháp chưa được chứng đắc. Tâu đại vương, tín có sự tiến vào là tướng trạng nghĩa là như vậy.”

“Xin ngài cho ví dụ.”

“Tâu đại vương, giống như đám mây lớn ở phía trên núi đổ mưa xuống, nước mưa ấy trong khi di chuyển xuống chỗ thấp sau khi làm đầy các rãnh, các khe, các suối của ngọn núi, thì có thể làm đầy con sông; con sông trôi chảy ngập tràn hai con đê. Rồi có đám đông người đi đến, trong khi không biết mức độ cạn hay sâu của con sông, sợ hãi, ngần ngại, đứng ở bờ sông. Rồi một người nam đi đến, trong khi nhận biết thể lực và sức mạnh của mình đã buộc chặt chiếc khố rồi tiến vào và vượt qua. Sau khi nhìn thấy người ấy đã vượt qua được, đám đông người cũng vượt qua.”

Evameva kho mahārāja yogāvacaro aññesaṃ cittaṃ vimuttaṃ passivā sotāpattiṃhale vā sakadāgāmiṃhale vā anāgāmiṃhalevā arahatte vā sampakkhandati, yogaṃ karoti appattassa pattiya anadhigatassa adhigamāya asacchikatassa sacchikiriyāya. Evaṃ kho mahārāja sampakkhandana-lakkhaṇā saddhā ”ti. Bhāsitaṃpetam mahārāja bhagavatā saṃyuttanikāyavare:

*Saddhāya taratī oghaṃ appamādena aṇṇavaṃ,
viriyena dukkhaṃ acceti paññāya parisujjhatī ”ti.*

“Kallo ’si bhante nāgasenā ”ti.

12. Rājā āha: “**Bhante nāgasena, kiṃlakkhaṇaṃ viriyan** ”ti?

“Upatthambhanalakkhaṇaṃ mahārāja viriyaṃ. Viriyūpatthambhitā sabbe kusalā dhammā na parihāyanti ”ti.

“Opammaṃ karohī ”ti.

“Yathā mahārāja puriso gehe patante aññena dārunā upatthambheyya, upatthambhitam santam evam tam geham na pateyya, evameva kho mahārāja upatthambhanalakkhaṇaṃ viriyaṃ. Viriyūpatthambhitā sabbe kusalā dhammā na parihāyanti ”ti.

“Bhiyyo opammaṃ karohī ”ti.

“Yathā mahārāja parittakaṃ senam mahatī senā bhañjeyya, tato rañño āroceyya, rājā aññaṃ senam tam anusāreyya, anupeseyya,¹ tāya saddhiṃ parittakā senā mahatiṃ senam bhañjeyya, evameva kho mahārāja upatthambhanalakkhaṇaṃ viriyaṃ. Viriyūpatthambhitā sabbe kusalā dhammā na parihāyanti. Bhāsitaṃpetam mahārāja bhagavatā: ‘Viriyavā kho bhikkhave ariyasāvako akusalam pajahati, kusalam bhāveti, sāvajjam pajahati, anavajjam bhāveti, suddhamattānaṃ pariharatī ’”ti.

“Kallo ’si bhante nāgasenā ”ti.

13. Rājā āha: “**Bhante nāgasena kiṃlakkhaṇā satī** ”ti?

“Apilāpanalakkhaṇā mahārāja sati upagaṇhanalakkhaṇā cā ”ti.

“Katham bhante apilāpanalakkhaṇā satī ”ti?

“Sati mahārāja uppajjamānā kusalākusalasāvajjānavajjahinappaṇīta-kaṇhasukka-sappaṭibhāgadhamme apilāpeti ‘ime cattāro satipaṭṭhānā, ime cattāro sammappadhānā, ime cattāro iddhipādā, imāni pañcindriyāni, imāni pañcabalāni, ime sattabojjhaṅgā, ayaṃ ariyo aṭṭhaṅgiko maggo, ayaṃ samatho, ayaṃ vipassanā, ayaṃ vijjā, ayaṃ vimutti ’ti.

¹ tato rājā aññamaññaṃ anussāreyya anupeseyya attano parittakāya senāya balaṃ anupadaṃ dadeyya - Ma; tato rājā aññamaññaṃ anusāreyya anupeseyya - PTS.

Tâu đại vương, giống như sau khi nhìn thấy tâm của những người khác được giải thoát và tiến vào quả Nhập Lưu, hoặc quả Nhất Lai, hoặc quả Bất Lai, hoặc phẩm vị A-la-hán, vị hành giả thực hành việc tu luyện để đạt đến pháp chưa được đạt đến, để chứng đạt pháp chưa được chứng đạt, để chứng đắc pháp chưa được chứng đắc. Tâu đại vương, tín có sự tiến vào là tướng trạng nghĩa là như vậy. Tâu đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến ở Bộ Tương Ứng quý báu:

Vượt qua cơn lũ nhờ vào tín, vượt qua biển cả nhờ vào sự không xao lãng, vượt lên sự khổ nhờ vào sự tinh tấn, được hoàn toàn trong sạch nhờ vào tuệ.”

“Thưa ngài Nāgasena, ngài thật khôn khéo.”

12. Đức vua đã nói rằng: **“Thưa ngài Nāgasena, tấn có gì là tướng trạng?”**

“Tâu đại vương, tấn có sự nâng đỡ là tướng trạng. Được nâng đỡ bởi tấn, tất cả các thiện pháp không bị tiêu hoại.”

“Xin ngài cho ví dụ.”

“Tâu đại vương, giống như khi ngôi nhà đang sụp đổ, người đàn ông nâng đỡ bằng thanh gỗ khác. Trong khi được nâng đỡ như vậy, ngôi nhà ấy không thể bị sụp đổ. Tâu đại vương, tương tự y như thế, tấn có sự nâng đỡ là tướng trạng. Được nâng đỡ bởi tấn, tất cả các thiện pháp không bị tiêu hoại.”

“Xin ngài cho thêm ví dụ.”

“Tâu đại vương, giống như đội binh lớn có thể đánh tan đội binh nhỏ, vì thế có người báo cho đức vua, đức vua cho đội binh khác tiếp ứng, tiếp viện đội binh nhỏ, với đội binh tiếp viện ấy đội binh nhỏ có thể đánh tan đội binh lớn. Tâu đại vương, tương tự y như thế, tấn có sự nâng đỡ là tướng trạng. Được nâng đỡ bởi tấn, tất cả các thiện pháp không bị tiêu hoại. Tâu đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói rằng: *‘Này các tỳ khưu, có sự tinh tấn vị Thánh đệ tử từ bỏ pháp bất thiện, tu tập pháp thiện, từ bỏ pháp bị chê trách, tu tập pháp không bị chê trách, gìn giữ bản thân trong sạch.’*”

“Thưa ngài Nāgasena, ngài thật khôn khéo.”

13. Đức vua đã nói rằng: **“Thưa ngài Nāgasena, niệm có gì là tướng trạng?”**

“Tâu đại vương, niệm có sự không lơ đãng là tướng trạng, có sự nắm lấy là tướng trạng?”

“Thưa ngài, niệm có sự không lơ đãng là tướng trạng nghĩa là thế nào?”

“Tâu đại vương, niệm trong khi được sanh lên thì không lơ đãng các pháp có sự xen lẫn là thiện, bất thiện, có tội, không có tội, hạ liệt, cao quý, đen, trắng rằng: ‘Đây là bốn sự thiết lập niệm, đây là bốn chánh cần, đây là bốn nền tảng của thân thông, đây là năm quyền, đây là năm lực, đây là bảy chi phần đưa đến giác ngộ, đây là Thánh đạo tám chi phần, đây là chỉ tịnh, đây là minh sát, đây là minh, đây là giải thoát.’

Tato yogāvacaro sevitabbe dhamme sevati, asevitabbe dhamme na sevati, bhajitabbe dhamme bhajati, abhajitabbe dhamme na bhajati. Evaṃ kho mahārāja, apilāpanalakkhaṇā satī ”ti.

“Opammaṃ karohī ”ti.

“Yathā mahārāja rañño cakkavattissa bhaṇḍāgāriko rājānaṃ cakkavattiṃ sāyaṃ pātaṃ yasaṃ sārāpeti ‘ettakā deva te hatthī, ettakā assā, ettakā rathā, ettakā patti, ettakaṃ hiraññaṃ, ettakaṃ suvaṇṇaṃ, ettakaṃ sāpateyyaṃ, taṃ devo saratū ’ti rañño sāpateyyaṃ apilāpeti, evameva kho mahārāja sati uppajjamānā kusalākusala-sāvajjānavajja-hīnappaṇita-kaṇhasukka-sappaṭibhāgadhamme apilāpeti: ‘ime cattāro satipaṭṭhānā, ime cattāro sammappadhānā, ime cattāro iddhipādā, imāni pañcendriyāni, imāni pañcabalāni, ime sattabojjhaṅgā, ayaṃ ariyo aṭṭhaṅgiko maggo, ayaṃ samatho, ayaṃ vipassanā, ayaṃ vijjā, ayaṃ vimuttī ’ti. Tato yogāvacaro sevitabbe dhamme sevati, asevitabbe dhamme na sevati. Bhajitabbe dhamme bhajati abhajitabbe dhamme na bhajati. Evaṃ kho mahārāja, apilāpanalakkhaṇā satī ”ti.

“Kathambhante upagaṇhanalakkhaṇā satī ”ti?

“Sati mahārāja uppajjamānā hitāhitānaṃ dhammānaṃ gatiyo samannesati¹ ‘Ime dhammā hitā, ime dhammā ahitā. Ime dhammā upakārā, ime dhammā anupakārā ’ti. Tato yogāvacaro ahite dhamme apanudeti, hite dhamme upagaṇhāti anupakāre dhamme apanudeti, upakāre dhamme upagaṇhāti. Evaṃ kho mahārāja upagaṇhāti.² Evaṃ kho mahārāja upagaṇhanalakkhaṇā satī ”ti.

“Opammaṃ karohī ”ti.

“Yathā mahārāja rañño cakkavattissa parināyakarataṇaṃ rañño hitāhite jānāti ‘ime rañño hitā, ime ahitā. Ime upakārā, ime anupakārā ’ti. Tato ahite apanudeti, hite upagaṇhāti, anupakāre apanudeti upakāre upagaṇhāti. Evameva kho mahārāja sati uppajjamānā hitāhitānaṃ dhammānaṃ gatiyo samannesati³ ‘Ime dhammā hitā, ime dhammā ahitā. Ime dhammā upakārā, ime dhammā anupakārā ’ti. . Tato yogāvacaro ahite dhamme apanudeti, hite dhamme upagaṇhāti. Anupakāre dhamme apanudeti, upakāre dhamme upagaṇhāti. Evaṃ kho mahārāja upagaṇhanalakkhaṇā satī. Bhāsitaṃpettaṃ mahārāja bhagavatā: ‘sati ca khavāhambhikkhave sabbatthikaṃ vadāmi ”ti.

“Kallo ’si bhante nāgasenā ”ti.

14. Rājā āha: “**Bhante nāgasena kiṃlakkhaṇo samādhī** ”ti?

¹ samanveti - Ma.

² evaṃ kho mahārāja upagaṇhāti - Ma, PTS potthakesu natthi.

³ samanveti - Ma.

Nhờ đó, hành giả thực hành các pháp nên thực hành, không thực hành các pháp không nên thực hành, thân cận các pháp nên thân cận, không thân cận các pháp không nên thân cận. Tâu đại vương, niệm có sự không lơ đễnh là tướng trạng nghĩa là như vậy.”

“Xin ngài cho ví dụ.”

“Tâu đại vương, giống như viên quan giữ kho của đức chuyển luân vương sáng chiều nhắc nhở cho đức chuyển luân vương về sự vinh quang rằng: ‘Tâu bệ hạ, ngài có chùng này voi, chùng này ngựa, chùng này cỗ xe, chùng này bộ binh, chùng này vàng khối, chùng này vàng ròng, chùng này tài sản, xin bệ hạ hãy ghi nhớ điều ấy,’ và không lơ đễnh về tài sản của đức vua. Tâu đại vương, tương tự y như thế, niệm trong khi được sanh lên thì không lơ đễnh các pháp có sự xen lẫn là thiện, bất thiện, có tội, không có tội, hạ liệt, cao quý, đen, trắng rằng: ‘Đây là bốn sự thiết lập niệm, đây là bốn chánh cần, đây là bốn nền tảng của thần thông, đây là năm quyền, đây là năm lực, đây là bảy chi phần đưa đến giác ngộ, đây là Thánh đạo tám chi phần, đây là chi tịnh, đây là minh sát, đây là minh, đây là giải thoát.’ Nhờ đó, hành giả thực hành các pháp nên thực hành, không thực hành các pháp không nên thực hành, thân cận các pháp nên thân cận, không thân cận các pháp không nên thân cận. Tâu đại vương, niệm có sự không lơ đễnh là tướng trạng nghĩa là như vậy.”

“Thưa ngài, niệm có sự nắm lấy là tướng trạng nghĩa là thế nào?”

“Tâu đại vương, niệm trong khi được sanh lên thì xem xét các hành vi của các pháp có lợi ích và không có lợi ích rằng: ‘Các pháp này có lợi ích, các pháp này không có lợi ích. Các pháp này hữu dụng, các pháp này không hữu dụng. Nhờ đó, hành giả bỏ đi các pháp không có lợi ích, nắm lấy các pháp có lợi ích, bỏ đi các pháp không hữu dụng, nắm lấy các pháp hữu dụng. Tâu đại vương, nắm lấy quả là như vậy. Tâu đại vương, niệm có sự nắm lấy là tướng trạng nghĩa là như vậy.’”

“Xin ngài cho ví dụ.”

“Tâu đại vương, giống như vị tướng quân báu của đức chuyển luân vương biết được điều lợi ích và không lợi ích cho đức vua rằng: ‘Đối với đức vua, các điều này có lợi ích, các điều này không có lợi ích, các điều này hữu dụng, các điều này không hữu dụng,’ nhờ đó bỏ đi các điều không có lợi ích, nắm lấy các điều có lợi ích, bỏ đi các điều không hữu dụng, nắm lấy các điều hữu dụng. Tâu đại vương, tương tự y như thế, niệm trong khi được sanh lên thì xem xét các hành vi của các pháp có lợi ích và không có lợi ích rằng: ‘Các pháp này có lợi ích, các pháp này không có lợi ích. Các pháp này hữu dụng, các pháp này không hữu dụng. Nhờ đó, hành giả bỏ đi các pháp không có lợi ích, nắm lấy các pháp có lợi ích, bỏ đi các pháp không hữu dụng, nắm lấy các pháp hữu dụng. Tâu đại vương, niệm có sự nắm lấy là tướng trạng nghĩa là như vậy. Tâu đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói rằng: ‘*Này các tỳ khưu, ta nói rằng niệm quả là có lợi ích về mọi mặt.*’”

“Thưa ngài Nāgasena, ngài thật khôn khéo.”

14. Đức vua đã nói rằng: **“Thưa ngài Nāgasena, định có gì là tướng trạng?”**

“Pamukhalakkhaṇo mahārāja samādhi, ye keci kusalā dhammā sabbe te samādhippamukhā honti samādhininnā samādhiponā¹ samādhipabbhārā ”ti.

“Opammaṃ karohī ”ti.

“Yathā mahārāja kūṭāgārassa yā kāci gopānasiyo, sabbā tā kūṭaṅgamā honti kūṭaninnā kūṭasamosaraṇā. Kūṭaṃ tāsam aggamakkhāyati. Evameva kho mahārāja ye keci kusalā dhammā sabbe te samādhippamukhā honti samādhininnā samādhiponā samādhipabbhārā ”ti.

“Bhiyyo opammaṃ karohī ”ti.

“Yathā mahārāja koci rājā caturaṅginīyā senāya saddhiṃ saṅgamaṃ otareyya, sabbā ca² senā hatthī ca assā ca rathā ca patti ca tappamukhā bhavēyyuṃ tanninnā tapponā tappabbhārā, taṃ yeva anupariyāyeyyūṃ, evameva kho mahārāja ye keci kusalā dhammā sabbe te samādhippamukhā samādhininnā samādhiponā samādhipabbhārā. Evaṃ kho mahārāja pamukhalakkhaṇo samādhi. Bhāsītampetaṃ mahārāja bhagavatā: ‘samādhiṃ bhikkhave bhāvetha. Samāhito yathābhūtaṃ pajānāti ’”ti.

“Kallo ’si bhante nāgasenā ”ti.

15. Rājā āha: “**Bhante nāgasena kiṃlakkhaṇā paññā** ”ti?

“Pubbe kho³ mahārāja mayā vuttaṃ ‘chedanalakkhaṇā paññā ’ti. Api ca obhāsanalakkhaṇā ’pi paññā ”ti.

“Katham bhante obhāsanalakkhaṇā paññā ”ti?

“Paññā mahārāja uppajjamānā avijjandhakāraṃ vidhameti, vijjobhāsaṃ janeti, ñāṇālokaṃ vidamseti, ariyasaccāni pākaṭāni karoti. Tato yogāvacaro aniccan ti vā dukkhan ti vā anattā ti vā sammappaññāya passati ”ti.

“Opammaṃ karohī ”ti.

“Yathā mahārāja puriso andhakāre gehe padīpaṃ paveseyya, pavitṭho padīpo andhakāraṃ vidhameti, obhāsaṃ janeti, ālokaṃ vidamseti, rūpāni pākaṭāni karoti, evameva kho mahārāja paññā uppajjamānā avijjandhakāraṃ vidhameti, vijjobhāsaṃ janeti, ñāṇālokaṃ vidamseti, ariyasaccāni pākaṭāni karoti. Tato yogāvacaro aniccan ti vā dukkhan ti vā anattā ti vā sammappaññāya passati. Evaṃ kho mahārāja obhāsanalakkhaṇā paññā ”ti.

“Kallo ’si bhante nāgasenā ”ti.

¹ oṇā - Ma, PTS.

² sabbā va - Ma, PTS.

³ pubbeva kho - Ma.

“Tâu đại vương, định có sự dẫn đầu là tướng trạng. Tất cả các thiện pháp đều có định là pháp dẫn đầu, có định là nơi quy về, có định là nơi hướng đến, có định là nơi tiến tới.”

“Xin ngài cho ví dụ.”

“Tâu đại vương, giống như tất cả các cây đà của ngôi nhà mái nhọn có chóp nhọn là nơi đi đến, có chóp nhọn là nơi quy về, có chóp nhọn là nơi hội tụ. Chóp nhọn được gọi là đỉnh của chúng. Tâu đại vương, tương tự y như thế, tất cả các thiện pháp đều có định là pháp dẫn đầu, có định là nơi quy về, có định là nơi hướng đến, có định là nơi tiến tới.”

“Xin ngài cho thêm ví dụ.”

“Tâu đại vương, giống như một vị vua lao vào cuộc chiến đấu cùng với đạo quân gồm có bốn binh chủng, và toàn thể đạo quân gồm các con voi, các con ngựa, các cỗ xe, và bộ binh có đức vua là vị dẫn đầu, có đức vua là nơi quy về, có đức vua là nơi hướng đến, có đức vua là nơi tiến tới, chúng di chuyển xung quanh đức vua. Tâu đại vương, tương tự y như thế, tất cả các thiện pháp đều có định là pháp dẫn đầu, có định là nơi quy về, có định là nơi hướng đến, có định là nơi tiến tới. Tâu đại vương, định có sự dẫn đầu là tướng trạng nghĩa là như vậy. Tâu đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói rằng: *‘Này các tỷ khuru, hãy tu tập về định. Vị đã định, nhận biết như thật.’*”

“Thưa ngài Nāgasena, ngài thật khôn khéo.”

15. Đức vua đã nói rằng: **“Thưa ngài Nāgasena, tuệ có gì là tướng trạng?”**

“Tâu đại vương, quả là đã được tôi nói đến trước đây: ‘Tuệ có sự cắt đứt là tướng trạng.’ Và tuệ còn có sự soi sáng là tướng trạng nữa.”

“Thưa ngài, tuệ có sự soi sáng là tướng trạng nghĩa là thế nào?”

“Tâu đại vương, tuệ trong khi được sanh lên thì xua tan bóng tối vô minh, tạo ra ánh sáng ngời của minh, phô bày ánh sáng của trí, làm cho các chân lý cao thượng được hiển hiện. Nhờ đó, hành giả nhìn thấy với tuệ chân chánh rằng: ‘là vô thường,’ hoặc ‘là khổ não,’ hoặc ‘là vô ngã.’”

“Xin ngài cho ví dụ.”

“Tâu đại vương, giống như người đàn ông đem cây đèn vào trong ngôi nhà tối tăm, cây đèn khi đã được đem vào thì xua tan bóng tối, tạo ra ánh sáng ngời, phô bày ánh sáng, làm cho các vật thể được hiển hiện. Tâu đại vương, tương tự y như thế, tuệ trong khi được sanh lên thì xua tan bóng tối vô minh, tạo ra ánh sáng ngời của minh, phô bày ánh sáng của trí, làm cho các chân lý cao thượng được hiển hiện. Nhờ đó, hành giả nhìn thấy với tuệ chân chánh rằng: ‘là vô thường,’ hoặc ‘là khổ não,’ hoặc ‘là vô ngã.’ Tâu đại vương, tuệ có sự soi sáng là tướng trạng nghĩa là như vậy.”

“Thưa ngài Nāgasena, ngài thật khôn khéo.”

16. Rājā āha: “**Bhante nāgasena ime dhammā nānā santā ekaṃ atthaṃ abhinipphādentī**”ti.

“Āma mahārāja. Ime dhammā nānā santā ekaṃ atthaṃ abhinipphādentī, kilese hanantī”ti.

“Kathaṃ bhante ime dhammā nānā santā ekaṃ atthaṃ abhinipphādentī, kilese hanantī. Opammaṃ karohī”ti.

“Yathā mahārāja senā nānā santā, hatthī ca assā ca rathā ca patti ca ekaṃ atthaṃ abhinipphādentī, saṅgāme parasenaṃ abhivijjanti, evameva kho mahārāja ime dhammā nānā santā ekaṃ atthaṃ abhinipphādentī, kilese hanantī”ti.

“Kallo ’si bhante nāgasenā”ti.

Mahāvaggo paṭhamo.
(Imasmiṃ vagge soḷasa pañhā)

16. Đức vua đã nói rằng: **“Thưa ngài Nāgasena, các pháp này là khác biệt, nhưng có phải chúng đạt tới cùng một mục đích?”**

“Tâu đại vương, đúng vậy. Các pháp này là khác biệt, nhưng chúng đạt tới cùng một mục đích là diệt trừ các phiền não.”

“Thưa ngài, các pháp này là khác biệt, nhưng chúng đạt tới cùng một mục đích là diệt trừ các phiền não nghĩa là thế nào? Xin ngài cho ví dụ.”

“Tâu đại vương, giống như các đạo quân là khác nhau: các con voi, các con ngựa, các cỗ xe, và bộ binh, nhưng chúng đạt tới cùng một mục đích là chiến thắng đạo quân đối địch ở chiến trường. Tâu đại vương, tương tự y như thế, các pháp này là khác biệt, nhưng chúng đạt tới cùng một mục đích là diệt trừ các phiền não.”

“Thưa ngài Nāgasena, ngài thật khôn khéo.”

Đại Phẩm là phần thứ nhất.
(Trong phẩm này có mười sáu câu hỏi)
